1. Đối với cơ quan duyệt giá:

|  |  |
| --- | --- |
| Bộ/ngành/địa phương (cơ quan duyệt giá)..... | Biểu mẫu số 01 |

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHI PHÍ TIỀN LƯƠNG, CHI PHÍ NHÂN CÔNG TRONG GIÁ, ĐƠN GIÁ SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG**

**NĂM....**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2019/TT-BLĐTBXH ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Stt | Danh mục sản phẩm, dịch vụ công | Tên đơn vị trúng thầu hoặc được đặt hàng, giao nhiệm vụ thực hiện | Loại lao động | MLth | Hcb | Hpc | Hđc | TLcb | CĐăc | CĐk | BH | Vùng áp dụng | Ghi chú |
| 1 | Sản phẩm A | Công ty A | - Lao động trực tiếp |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| - Lao động chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| - Lao động quản lý doanh nghiệp |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 2 | Dịch vụ B | Công ty B | - Lao động quản lý doanh nghiệp |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| - Lao động trực tiếp |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| - Lao động chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 3 | ... | .... | - Lao động trực tiếp |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| - Lao động chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| - Lao động quản lý doanh nghiệp |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |

Ghi chú: (1) MLth, Hcb, Hpc, Hđc, TLcb, CĐăc, CĐk, BH là số bình quân gia quyền theo từng loại lao động được xác định trên cơ sở quy định tại Điều 4, Điều 5 và Điều 7 Thông tư số 17/2019/TT-BLĐTBXH.

(2) Vùng áp dụng: địa bàn thuộc vùng I, II, III, IV được thực hiện theo địa bàn áp dụng mức lương tối thiểu vùng do Chính phủ quy định theo từng thời kỳ. Trường hợp sản phẩm, dịch vụ công do công ty thực hiện ở nhiều địa bàn thì ghi theo vùng chủ yếu (ví dụ: Sản phẩm A có Vùng áp dụng là II).

(3) Tên sản phầm, dịch vụ công ích ghi theo danh mục tại Phụ lục II, dịch vụ sự nghiệp công ghi theo danh mục tại Biểu 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.

|  |  |
| --- | --- |
| .., ngày ...... tháng ...... năm... | .., ngày ...... tháng ...... năm... |
| **Người lập biểu***(Ký và ghi rõ họ tên)* | **Thủ trưởng đơn vị***(Ký tên, đóng dấu)* |

2. Đối với đơn vị thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| Doanh nghiệp (đơn vị thực hiện).... | Biểu mẫu số 02 |

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHI PHÍ TIỀN LƯƠNG, CHI PHÍ NHÂN CÔNG TRONG GIÁ, ĐƠN GIÁ SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG NĂM....**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2019/TT-BLĐTBXH ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Bộ Lao động-Thưomg binh và Xã hội)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Stt | Danh mục sản phẩm, dịch vụ công | Loại lao động | MLth | Hcb | Hpc | Hđc | TLcb | CĐăc | CĐk | BH | Vùng áp dụng | Ghi chú |
| 1 | Sản phẩm A | - Lao động trực tiếp |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| - Lao động chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| - Lao động quản lý doanh nghiệp |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 2 | Dịch vụ B | - Lao động trực tiếp |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| - Lao động chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| - Lao động quản lý doanh nghiệp |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 3 | .... | - Lao động trực tiếp |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| - Lao động chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| - Lao động quản lý doanh nghiệp |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |

Ghi chú: (1) MLth, Hcb, Hpc, Hđc, TLcb, CĐăc, CĐk, BH là số bình quân gia quyền theo từng loại lao động được xác định trên cơ sở quy định tại Điều 4, Điều 5 và Điều 7 Thông tư số 17/2019/TT-BLĐTBXH.

(2) Vùng áp dụng: địa bàn thuộc vùng I, II, III, IV được thực hiện theo địa bàn áp dụng mức lương tối thiểu vùng do Chính phủ quy định theo từng thời kỳ. Trường hợp sản phẩm, dịch vụ công do công ty thực hiện ở nhiều địa bàn thì ghi theo vùng chủ yếu (ví dụ: Sản phẩm A có Vùng áp dụng là II).

(3) Tên sản phẩm, dịch vụ công ghi theo danh mục tại Phụ lục II, dịch vụ sự nghiệp công ghi theo danh mục tại Biểu 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyến.

|  |  |
| --- | --- |
| .., ngày ...... tháng ...... năm... | .., ngày ...... tháng ...... năm... |
| **Người lập biểu***(Ký và ghi rõ họ tên)* | **Thủ trưởng đơn vị***(Ký tên, đóng dấu)* |